

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiệp vụ thanh toán-208327

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303

Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12122175	TRẦN HUỖNH TRÀ MI	DH12TM	<i>Mi</i>	1	0,5	0,5	7,6	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	11122026	NGUYỄN THỊ THÙY MINH	DH11QT	<i>Thuy</i>	1	0,5		5,6	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12122177	TRẦN VĂN MONG	DH12TM	<i>Vi</i>	1	0,5		7,3	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	12122034	HUỖNH THANH NAM	DH12TM	<i>An</i>	1	0,5	0,5	9,1	10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	12122178	LÊ HOÀI NAM	DH12QT	<i>Hoai</i>	1	0,5		4,8	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12363099	ĐẶNG THỊ HỒNG NÊN	CD12CA	<i>Hong</i>	1	0,5	0,5	8,2	9,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	12123148	NGUYỄN HUỖNH BẠCH NGÀ	DH12KE	<i>Bach</i>	1	0,5	0,5	6,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12123149	HUỖNH HUYỀN NGÂN	DH12KE	<i>Huyen</i>	1	0,5	0,5	8,8	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	12363319	ĐÀM THỊ ÁNH NGỌC	CD12CA	<i>Anh</i>	1	0,5	0,5	3,6	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	11329083	HỒ NHƯ NGỌC	CD11CA	<i>Nhu</i>	1	0,5	0,5	7,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	12122184	LÊ ĐẶNG THẢO NGUYỄN	DH12QT	<i>Thao</i>	1	0,5		8,8	9,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	11150094	PHẠM THÁI NGUYỄN	DH11TM	<i>Thai</i>	1	0,5	0,5	6,2	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12122188	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	DH12TM	<i>Thy</i>	1	0,5	0,5	8,2	9,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	13123094	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	DH13KE	<i>Anh</i>	1	0,5	0,5	6,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	12122305	TRẦN THỊ NGUYỆT	DH12TM	<i>Thy</i>	1	0,5	0,5	9,1	10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	10122206	BÙI ANH CHÍ NHÂN	DH10QT	<i>Anh</i>	1	0,5	0,5	7,6	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	11122091	PHẠM HỒNG NHẬT	DH11QT	<i>Hong</i>	1			3,6	3,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiệp vụ thanh toán-208327

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	11122131	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	DH11QT	1	0,5	0,5	3,6	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	13123114	TRẦN THỊ KIM	OANH	DH13KE	1	0,5	0,5	7,3	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	13363225	TÔ THỊ HỒNG	PHÚC	CD13CA	1	0,5		3,6	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM	PHƯƠNG	DH12TM	1	0,5	0,5	8,5	9,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHƯƠNG	CD11CA	1	0,5		3,0	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12122208	TRƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	DH12TM	1	0,5	0,5	7,6	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12122213	LÊ NGỌC PHƯƠNG	QUỲNH	DH12TM	1	0,5	0,5	6,1	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	11122106	NGUYỄN THỊ	THANH	DH11QT	1	0,5	0,5	9,1	10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	12122219	LÊ HOÀNG ANH	THAO	DH12TM	1	0,5	0,5	4,8	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12123238	LÊ THỊ THU	THẢO	DH12KE	1	0,5	0,5	8,8	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12122225	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH12TM	1	0,5	0,5	8,8	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	11122114	ĐẶNG THỊ NGỌC	THỘI	DH11QT	1			4,1	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12122055	NGUYỄN VĂN	THÔNG	DH12TM	1	0,5		7,2	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	12122311	ĐỖ THỊ CẨM	THƠ	DH12TM	1	0,5	0,5	6,9	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	11122116	HÀ THỊ THANH	THÙY	DH11QT	1	0,5	0,5	5,2	6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	11122036	PHẠM THỊ THU	THÚY	DH11QT	1	0,5	0,5	8,2	9,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	12363114	LÊ VĂN	TÍNH	CD12CA	1	0,5	0,5	7,3	8,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiệp vụ thanh toán-208327

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút

Phòng thi HD303

Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	11122046	LÊ THANH	TÍNH	ML	1	0,5	0,5	8,2	9,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	11122118	TRẦN THỊ THẢO	TRANG	Thảo	1	0,5		3,6	4,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	12122250	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	Thuy	1	0,5	0,5	4,7	5,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	11122120	ĐẶNG TRẦN THÙY	TRÂM	Thuy	1	0,5		7,1	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	12123058	NGUYỄN THỊ LƯU	TRÂM	Lưu	1	0,5	0,5	6,3	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	12363343	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	Tram	1	0,5	0,5	7,6	8,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	12363232	PHAN THỊ BẢO	TRÂN	Bao	1	0,5		3,0	3,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	11122132	VÕ THỊ DIỄM	TRINH	Diem	1	0,5	0,5	7,9	8,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	11150080	NGUYỄN ANH	TUẤN	Anh	1	0,5	0,5	7,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	12363039	PHẠM THỊ THU	VÂN	Pham	1	0,5	0,5	6,3	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	12122070	KIỀU VŨ THÚY	VI	Thuy	1	0,5	0,5	8,2	9,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	12122072	PHAN NGỌC	VY	Vy	1	0,5	0,5	7,9	8,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	12122273	NGUYỄN THỊ HOÀI	XUÂN	Hoi	1	0,5	0,5	7,9	8,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	12122274	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	Thanh	1	0,5	0,5	5,9	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 48

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Quy

Nguyễn Thị Quy

Nguyễn Thị Quy

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiệp vụ thanh toán-208327

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD301

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12122096	ĐỖ HOÀI ANH	DH12TM	<i>Đỗ Hoài Anh</i>		0,5	0,5	7,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12363001	HOÀNG THỊ TƯỜNG	CD12CA	<i>Hoàng Thị Tường</i>				4,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11123003	NGUYỄN THIÊN ÂN	DH11KE	<i>Nguyễn Thiên Ân</i>		0,5	0,5	7,1	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123255	VILAYSON BOULETH	DH11KE	<i>Vilayson Bouleth</i>		0,5		0,9	2,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12363003	NGUYỄN THỊ HẢI	CD12CA	<i>Nguyễn Thị Hải</i>		0,5		7,7	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12122006	LÊ THỊ NGỌC	DH12TM	<i>Lê Thị Ngọc</i>		0,5	0,5	8,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12122296	MAI THỊ DIỆM	DH12TM	<i>Mai Thị Diễm</i>		0,5	0,5	9,8	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12122112	TRẦN THỊ DIỆU	DH12TM	<i>Trần Thị Diệu</i>		0,5	0,5	8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12363260	NGUYỄN MINH DUNG	CD12CA	<i>Nguyễn Minh Dung</i>		0,5		5,7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12363166	NGUYỄN THỊ DUNG	CD12CA	<i>Nguyễn Thị Dung</i>		0,5	0,5	7,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12122298	PHẠM THỊ PHƯƠNG	DUNG	<i>Phạm Thị Phương</i>		0,5	0,5	8,8	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11120902	HUỲNH THỊ MỸ	DH12KE	<i>Huỳnh Thị Mỹ</i>		0,5	0,5	6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11363003	LÊ THỊ MỸ	CD11CA	<i>Lê Thị Mỹ</i>		0,5	0,5	5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12122118	PHẠM THỊ MỸ	DH12TM	<i>Phạm Thị Mỹ</i>		0,5	0,5	8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11122066	NGUYỄN THỊ ANH	ĐÀO	<i>Nguyễn Thị Anh</i>		0,5	0,5	7,1	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12122123	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH12TM	<i>Nguyễn Thành Đạt</i>		0,5	0,5	8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12123017	NGUYỄN KINH ĐÔ	DH12KE	<i>Nguyễn Kinh Đô</i>		0,5	0,5	8,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiệp vụ thanh toán-208327

Ngày Thi : 21/01/15

Giờ thi: 14g45 - phút

Phòng thi HD301

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12122127	HOÀNG THỊ NGỌC HÀ	DH12TM	<i>Ng</i>		0,5	0,5	7,9	8,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
19	12363211	PHẠM THỊ MỸ HẠNH	CD12CA	<i>Hanh</i>		0,5		4,2	4,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	12123232	ĐỖ THỊ THÚY HẰNG	DH12KE							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
21	12363246	TRẦN THỊ THÚY HẰNG	CD12CA	<i>Hg</i>		0,5	0,5	6,0	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	13363077	VĂN THỊ THANH HẰNG	CD13CA							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	12122134	HỒ THỊ HẬU	DH12TM	<i>Hau</i>		0,5	0,5	8,8	9,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
24	12122017	PHẠM ĐĂNG HIỀN	DH12TM	<i>Hiên</i>		0,5	0,5	7,6	8,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	12122138	NGUYỄN VĂN HIẾU	DH12TM	<i>Nu</i>		0,5		6,7	7,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	12363249	NÔNG THỊ HIẾU	CD12CA	<i>Thi</i>				5,7	5,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	09124900	PHẠM TRUNG HIẾU	DH11TM							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	12122104	NGUYỄN THỊ HOA	DH12TM	<i>Thi</i>		0,5	0,5	6,7	7,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	11122130	ĐẶNG HỒNG HUẾ	DH11QT	<i>Ng</i>		0,5	0,5	7,7	8,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	12363272	TRẦN THỊ HUỆ	CD12CA	<i>Thi</i>		0,5		4,5	5,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	12363330	NGUYỄN THỊ HUỲNH	CD12CA							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	12122150	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	DH12TM	<i>Thi</i>		0,5	0,5	7,6	8,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	11155022	TRẦN THỊ DIỆM	DH11KN	<i>Thi</i>		0,5	0,5	9,1	10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☒ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	12122152	ĐOÀN THỊ THANH HƯỜNG	DH12TM	<i>Thi</i>		0,5	0,5	8,2	9,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Nghiệp vụ thanh toán-208327

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12363216	NGUYỄN QUỐC HY	CD12CA	<i>Hy</i>		0,5	0,5	8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11123254	PHETVILAY	INTHISN	<i>B</i>				4,8	4,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	12122078	PHAN THỊ MỸ	KIM	<i>Phan</i>		0,5		6,3	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12123132	HỒ THỊ LÀNH	DH12KE	<i>Lanh</i>		0,5	0,5	5,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12122285	SƠN TỪ THÁI MỸ	LĂNG	<i>Son</i>		0,5	0,5	6,7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11120901	ĐINH VIỆT PHƯƠNG	LINH	<i>Phuong</i>		0,5	0,5	7,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12363044	ĐOÀN THỊ CẨM	LINH	<i>linh</i>		0,5	0,5	7,9	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12363208	LƯƠNG THỊ MỸ	LINH	<i>Linh</i>		0,5	0,5	6,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11150091	LƯƠNG THỊ BÍCH	LY	<i>Bich</i>		0,5		8,2	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12363281	TRẦN LÊ PHƯỚC	LY	<i>Phuoc</i>		0,5	0,5	9,1	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12363282	ĐẶNG THỊ NGỌC	MAI	<i>ngoc</i>		0,5	0,5	7,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11122084	NGÔ THỊ KIM	MAI	<i>Kim</i>		0,5	0,5	8,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12122174	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	<i>Phuoc</i>		0,5	0,5	5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11363087	PHAN THỊ THANH	MAI	<i>Phai</i>		0,5		3,3	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 4

Hiện diện: 44

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

UK

Đ.T. Nguyệt

Hương Thanh Thưa